

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1869 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: ... 27/12/19

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi quy hoạch: Bao gồm toàn bộ phần diện tích đất liền và các huyện đảo có đông dân cư, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng (Vân Đồn, Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Phú Quý, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo).

2. Quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu lập quy hoạch

a) Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch

Tuân thủ pháp luật về quy hoạch, phòng, chống thiên tai, đê điều, thủy lợi, pháp luật khác có liên quan và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch này với hệ thống quy hoạch quốc gia, làm cơ sở để lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

Bảo đảm nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước thống nhất theo lưu vực sông kết hợp đơn vị hành chính. Cân đối, điều hòa nguồn nước trong phạm vi toàn quốc, vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, phục vụ đa mục tiêu đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Giải quyết những vấn đề tồn tại lớn trong công tác thủy lợi mang tính liên vùng, liên tỉnh, liên lưu vực sông, như: thiếu nguồn nước, hạ thấp mực nước, chuyển nước và kết nối nguồn nước, tiêu thoát nước gia tăng, cấp nước phục vụ chuyển đổi sản xuất, điều tiết nguồn nước từ hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi trong trường hợp thiên tai.

Giải quyết những vấn đề tồn tại lớn trong công tác phòng, chống thiên tai mang tính liên vùng, liên tỉnh, liên lưu vực sông, như: phòng, chống lũ cho các tuyến sông, quy hoạch đê điều, sử dụng bãi sông, lồng ghép công trình hạ tầng khác kết hợp phục vụ phòng, chống thiên tai.

b) Yêu cầu về mục tiêu lập quy hoạch

- Mục tiêu chung

Bảo đảm tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông.

- Mục tiêu cụ thể

+ Đối với tưới, cấp nước

Xác định mức đảm bảo tưới, cấp nước cho các vùng lãnh thổ, các lưu vực và hệ thống công trình thủy lợi.

Đề xuất các giải pháp tạo nguồn, tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững.

Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn; tạo nguồn và cấp cho khu đô thị, công nghiệp và các ngành kinh tế khác từ hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt quan tâm đến những vùng thường xuyên thiếu nước, như: Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long.

Cấp nước chủ động cho diện tích đất trồng lúa 2 vụ, cây trồng cạn và phục vụ phương thức canh tác tiên tiến, nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

Đề xuất giải pháp bảo vệ chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước.

+ Đối với tiêu, thoát nước

Xác định mức đảm bảo tiêu thoát nước cho các vùng, các lưu vực sông và hệ thống công trình thủy lợi.

Đề xuất giải pháp bảo đảm tiêu thoát phục vụ dân sinh, nông nghiệp, đô thị, khu công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội khác.

+ Đối với phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

Đề xuất giải pháp tích trữ, tạo nguồn, kết nối và chuyển nguồn nước để cấp cho dân sinh, sản xuất tại vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước; bao gồm cả nguồn nước từ hồ chứa thủy điện.

Đề xuất giải pháp kiểm soát mặn, giữ ngọt, hạn chế tác động của triều cường vùng cửa sông, ven biển.

+ Đối với phòng, chống lũ, ngập lụt và một số loại hình thiên tai khác

Xác định mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt cho các vùng, các lưu vực sông.

Đề xuất giải pháp phòng, chống lũ, ngập lụt bảo đảm an toàn dân sinh, cơ sở hạ tầng và các hoạt động sản xuất.

Đề xuất giải pháp phòng, chống đối với sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển trên cơ sở diễn biến thực tế xảy ra tại các vùng.

Đề xuất định hướng nghiên cứu các giải pháp phòng, chống lũ quét, sạt lở đất đối với các vùng có nguy cơ cao.

+ Xác định giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu trước thiên tai của công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai hiện có.

Nghiên cứu giải pháp ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng cực đoan trong trường hợp bất lợi nhất.

3. Yêu cầu nội dung, phương pháp lập quy hoạch

Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Yêu cầu nội dung lập quy hoạch

- Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu:

Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan;

Tổng hợp, đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập;

Điều tra, khảo sát thực địa;

Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

- Phân tích, đánh giá yếu tố điều kiện tự nhiên, nguồn nước, bồi cảnh, hiện trạng phân bố và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi:

Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bồi cảnh;

Phân tích đánh giá thực trạng phân bố và sử dụng không gian của hệ thống công trình tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước, phòng, chống bão lũ, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch:

Dự báo xu thế phát triển, xu thế nguồn nước, tác động của xu thế phát triển và xu thế nguồn nước đến hoạt động phòng, chống thiên tai và thủy lợi;

Dự báo tác động của thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan trong điều kiện biến đổi khí hậu đến tính bền vững của các công trình phòng, chống thiên tai và thủy lợi;

Dự báo tác động của tiến bộ khoa học, công nghệ và nguồn lực đến phòng chống, thiên tai và thủy lợi;

Xây dựng kịch bản phát triển trong thời kỳ quy hoạch liên quan trực tiếp đến phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi:

Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong phạm vi cả nước;

Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng;

Đánh giá sự liên kết, đồng bộ, mức độ khép kín của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai ven biển trong việc bảo vệ vùng ven biển trước nguy cơ biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, ngập lụt và xói lở, bồi tụ: Hệ thống đê biển; hệ thống kiểm soát mặn; hệ thống kè bảo vệ bờ biển.

- Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực phòng phòng, chống thiên tai và thủy lợi; cơ hội và thách thức phát triển của ngành:

Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi về quy mô, loại hình, công nghệ.

Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức phát triển đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch.

- Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi:

Xác định các quan điểm phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong kỳ quy hoạch.

Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong kỳ quy hoạch.

- Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi cả nước và từng vùng lãnh thổ:

Phân tích, tính toán và xây dựng phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi theo các kịch bản phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi lưu vực sông, vùng, cả nước để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của công trình tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, phòng, chống lũ, bão, nước dâng; giảm thiểu rủi ro ngập lụt, úng, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác trên phạm vi cả nước;

Đề xuất giải pháp công trình, giải pháp phi công trình theo kịch bản phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi toàn quốc và từng vùng lãnh thổ;

Đề xuất các giải pháp liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng lãnh thổ.

- Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Danh mục dự án quan trọng, dự án ưu tiên đầu tư thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi, thứ tự ưu tiên thực hiện:

Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch;

Luận chứng xây dựng danh mục các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai quy mô liên vùng, liên tỉnh, công trình quy mô lớn; dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.

- Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ:

Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và nhóm ngành. Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia;

Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng.

- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:

Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;

Giải pháp về cơ chế, chính sách;

Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ;

Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

Giải pháp về hợp tác quốc tế;

Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Báo cáo quy hoạch:

Xây dựng báo cáo tổng hợp;

Xây dựng báo cáo tóm tắt;

Xây dựng các báo cáo chuyên đề của quy hoạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch:

Hệ thống báo cáo quy hoạch;

Các bản đồ hiện trạng, phương án quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

b) Yêu cầu về khảo sát kỹ thuật:

Tổng hợp, đánh giá và kế thừa các nguồn thông tin, số liệu hiện có;

Khảo sát, đo đạc bổ sung số liệu phục vụ nhu cầu phân tích, đánh giá, tính toán mô hình toán, các vị trí dự kiến phương án tuyến công trình lớn.

c) Yêu cầu về xây dựng mô hình toán:

Xây dựng, cập nhật và ứng dụng mô hình toán phục vụ mô phỏng chế độ dòng chảy, cân bằng nước để đánh giá, lựa chọn các phương án quy hoạch.

d) Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch:

Phương pháp kế thừa và tích hợp: Kế thừa và tích hợp các quy hoạch, chương trình về thủy lợi và phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện, các tài liệu số liệu hiện có.

Phương pháp điều tra tổng hợp: Điều tra thực trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất, diễn biến và tác động của các yếu tố tự nhiên đến nguồn nước và tình hình thiên tai của từng vùng, từng lưu vực sông.

Phương pháp mô hình toán: Cập nhật, xây dựng các mô hình toán phục vụ mô phỏng chế độ dòng chảy, cân bằng nước, xác định các phương án quy hoạch.

Phương pháp khảo sát kỹ thuật: Đo đạc, khảo sát cập nhật bổ sung tài liệu làm cơ sở cho việc ứng dụng mô hình toán.

Phương pháp phân tích kinh tế: Đánh giá, so sánh hiệu ích kinh tế giữa các phương án quy hoạch.

Phương pháp chuyên gia: Xin ý kiến các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Phương pháp tham vấn: Tham vấn các chuyên gia, các bộ ngành bằng hình thức xin ý kiến, tổ chức hội thảo...

4. Thời hạn lập quy hoạch

Thời hạn lập quy hoạch không quá 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi được phê duyệt.

5. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần, số lượng hồ sơ quy hoạch.

- Thành phần hồ sơ quy hoạch

Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Báo cáo tổng hợp;

Báo cáo tóm tắt;

Các báo cáo chuyên đề;

Báo cáo khảo sát kỹ thuật.

Bản đồ quy hoạch:

Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ kết cấu hạ tầng quốc gia với khu vực và quốc tế tỷ lệ 1:4.000.000.

Bản đồ số và bản đồ in Quy hoạch toàn quốc tỷ lệ 1:500.000, quy hoạch vùng tỷ lệ 1:250.000: Bản đồ hiện trạng cấp nước; Bản đồ hiện trạng tiêu nước; Bản đồ hiện trạng hệ thống phòng, chống thiên tai; Bản đồ định hướng phát triển cấp nước; Bản đồ định hướng phát triển tiêu nước; Bản đồ định

hướng phòng chống sạt lở trên các tuyến sông; Bản đồ bố trí không gian các dự án thủy lợi, phòng, chống thiên tai quan trọng cấp quốc gia, các dự án ưu tiên đầu tư của ngành.

Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:100.000: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của thủy lợi, phòng, chống thiên tai; Bản đồ định hướng sử dụng đất tại các khu vực trọng điểm của thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Số lượng: 10 bộ bản in và đĩa CD.

b) Tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch

Báo cáo hồ sơ quy hoạch in trên giấy khổ A4, bản đồ in màu.

6. Kinh phí lập quy hoạch

a) Chi phí lập Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định khác có liên quan.

b) Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, định mức cho hoạt động quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập Quy hoạch theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phê duyệt dự toán chi tiết nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi và tổ chức lựa chọn đơn vị lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

2. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình lập nhiệm vụ quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

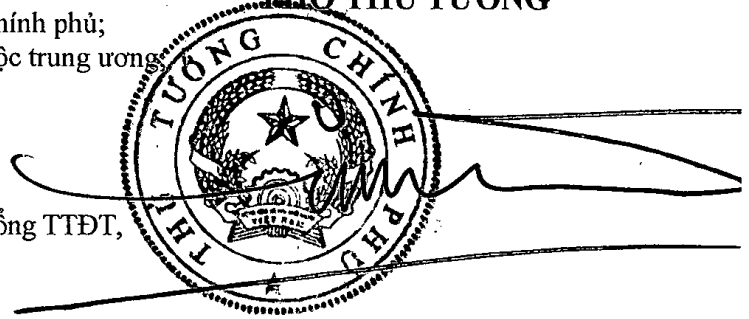
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, CN, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, NN (2) Tuyenh. 78

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng